

*Tp. K, ngày 20 tháng 8 năm 2020*

Số: 198/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 259/2020/TLST-HNGĐ ngày 08/7/2020.

**XÉT THẤY**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- Nguyên đơn: Anh Võ Trần Trung H, sinh năm 1990; Địa chỉ: 210 (Số mới 21) Nguyễn Thiện Thuật, Thành phố K, tỉnh Kon Tum.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1992; Địa chỉ: 210 (Số mới 21) Nguyễn Thiện Thuật, Thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Địa chỉ hiện nay: Thôn Quảng Hoà, xã C, thành phố CR, tỉnh Khánh Hoà.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Anh Võ Trần Trung H được quyền sở hữu 01 căn nhà có gác lửng, tường gạch trát xi măng, trát vôi, trần la phong nhựa, mái lợp tôn và quyền sử dụng 205,5m<sup>2</sup> diện tích đất tại thửa đất số 252, tờ bản đồ số 24, địa chỉ số 210 (Số mới 21) đường N, Thành phố K, tỉnh Kon Tum đã được Ủy ban nhân dân Thành phố K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 133708 ngày 16/10/2014 mang tên anh Võ Trần Trung H và chị Nguyễn Thị Ngọc T, có tổng giá trị nhà và đất là: 873.838.000 đồng (Tám trăm bảy mươi ba triệu tám trăm ba mươi tám nghìn đồng) theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 31/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản. Lô đất có tứ cận cụ thể như sau:

Phía Đông Nam giáp thửa số 161 dài 12m và 14,9m.

Phía Tây Nam giáp thửa số 242 dài 23,8m.

Phía Tây Bắc giáp đường Nguyễn Thiện Thuật dài 6,1m.

Phía Đông Bắc giáp thửa số 253 dài 21,5m; 1,5m và 2,6m.

- Anh Võ Trần Trung H có trách nhiệm trả lại tiền cho chị Nguyễn Thị Ngọc T phần chênh lệch tài sản là: 262.151.400 đồng (Hai trăm sáu mươi hai triệu một trăm năm mươi một nghìn bốn trăm đồng). Thời gian trả sau khi có Quyết định của Tòa án.

Anh Võ Trần Trung H được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất đối với căn nhà và quyền sử dụng đất nêu trên.

Áp dụng Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015:

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, và chị Nguyễn Thị Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên, mà anh H không trả hoặc trả chưa hết số tiền phải thi hành án thì hàng tháng anh H còn phải trả tiền lãi suất 10%/năm tính theo số tiền phải trả và thời gian chậm trả.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 6, 18, 19, khoản 1 Điều 24, Điều 26, Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Võ Trần Trung H phải chịu 14.233.732 đồng, được trừ 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0003673 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố K ngày 08/7/2020, còn phải đóng 9.233.732 đồng (Chín triệu hai trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng) án phí chia tài sản chung.

Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 6.553.785 đồng (Sáu triệu năm trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng) án phí chia tài sản chung.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Căn cứ các Điều 156, 157, 158, 163, 164, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Võ Trần Trung H phải chịu 2.450.000 đồng, được trừ số tiền 3.500.000 đồng mà anh H đã nộp, anh H được nhận lại 1.050.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 1.050.000 đồng (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), chị T có trách nhiệm phải trả cho anh H số tiền nêu trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Thi hành án dân sự thành phố;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Đỗ Văn Toàn**

